TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23-12-2020

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Bà Bùi Thị Gấm

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Đình Mạnh

2. Bà Cù Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST - HNGĐ ngày 18-11-2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-12-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn L, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Xuân L, sinh năm 1979.

Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị B, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 18-11-2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày như sau:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Vũ Xuân L tự nguyện tìm hiểu, chung sống và tổ chức đám cưới vào đầu năm 2006 tại Malaysia, sau đó anh chị về Việt Nam làm đám cưới báo hỷ với 02 bên gia đình. Khi tìm hiểu và về chung sống với nhau thì anh

chị không đăng ký kết hôn do thời điểm đó chị và anh L đều đang lao động tại Malaysia. Sau ngày làm lễ cưới một thời gian thì chị mang thai và về sinh sống ở quê chồng tại thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, anh L vẫn làm ăn tại Malaiysia. Trong suốt quá trình chung sống anh chị không đi đăng ký kết hôn. Từ năm 2017 mâu thuẫn gia đình trở lên trầm trọng, anh chị sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Chị B xác định quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L không thể duy trì được nữa, cuộc sống chung không còn tồn tại, đến thời điểm này giữa chị và anh L đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn liên quan gì đến cuộc sống của nhau nữa. Vì chị và anh L không đăng ký kết hôn do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh L có 01 con chung là cháu Vũ Hoàng H, sinh ngày 07-5-2007. Trước khi ly thân cháu H được chị nuôi dưỡng, từ năm 2017 cháu H được anh L nuôi dưỡng, hiện nay cháu H đã lớn và có nguyện vọng ở với bố nên chị đồng ý để anh L nuôi con. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị không có ý kiến gì.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 18-11-2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Vũ Xuân L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác định việc anh chị tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và quá trình chung sống, thời gian anh chị chấm dứt quan hệ tình cảm, không chung sống cùng nhau giống như lời khai của chị B. Theo anh L, nguyên nhân anh chị không đăng ký kết hôn là do thời điểm đầu chung sống anh chị đều đang lao động tại nước ngoài và sau khi về Việt Nam thì mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên anh chị không đi đăng ký kết hôn. Đến thời điểm này tình cảm của anh chị không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa do đó chị B có nguyện vọng xin ly hôn, anh cũng đồng ý với quan điểm của chị B là đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung là cháu Vũ Hoàng H, sinh ngày 07-5-2007. Hiện nay cháu H đang được anh nuôi dưỡng, anh nhận tiếp tục được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Anh L xác định anh và chị B không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 26-11-2020, Ủy ban nhân dân xã T, huyện V cung cấp như sau: Chị B và anh L có tổ chức lễ cưới vào khoảng năm

2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T; Chị B và anh L có 01 con chung là cháu Vũ Hoàng H, sinh ngày 07-5-2007, hiện nay cháu H đang sinh sống cùng anh L tại xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; Điều 14; Điều 15; Điều 53; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Hoàng Thi B và anh Vũ Xuân L.

+ Về con chung: Giao cháu cháu Vũ Hoàng H, sinh ngày 07-5-2007 cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập đươc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Vũ Xuân L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhân quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Xuân L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Vũ Xuân L tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xác minh tại chính quyền địa phương cũng xác định anh chị không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng….". Hội đồng xét xử xét thấy việc chị B và anh L có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có thời gian chung sống và có con chung cùng nhau tuy nhiên anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình do thời điểm đó anh chị sinh sống và lao động tại Malaisia. Sau khi chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2017 đến nay. Xét cuộc sống chung của anh chị không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị cùng đề nghị Tòa án xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị do đó Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của anh chị, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị B và anh Vũ Xuân L.

[3] Về con chung: Hoàng Thị B và anh Vũ Xuân L có 01 con chung là cháu Vũ Hoàng H, sinh ngày 07-5-2007. Cháu H đang được anh L nuôi dưỡng, vì vậy HĐXX giao cháu H cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động, tự lập được là phù hợp với nguyện vọng của 02 bên cũng như quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị B và anh Vũ Xuân L.

2. Giao anh Vũ Xuân L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Hoàng H, sinh ngày 07-5-2007 cho đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được, chị Hoàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Vũ Xuân L.

Chị Hoàng Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị B không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Vũ Xuân L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị B phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0002047 ngày 18-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (chị B đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị B và anh Vũ Xuân L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm